TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 443/2018/QĐST-HNGĐ	*Quận 6, ngày 02 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 608/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Dã Trọng H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: số 24/4/3 Đường B, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: số 36/34/11B đường K, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà: Lê Thị Kim T. Địa chỉ: 264 đường C, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bà: Trương Hồng H, sinh năm 1967. Địa chỉ: 36/34/1 đường K, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà: Lê Thị Thu H, sinh năm 1971. Địa chỉ: 67 đường số 8, Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà: Phạm Thị Kim Ư, sinh năm 1968. Địa chỉ: 106 K, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà: Trần Thị Lan H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Đường số 2, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông: Nguyễn Anh T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: số 36/34/11B đường K, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Dã Trọng H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: số 24/4/3 Đường B, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: số 36/34/11B đường K, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Dã Trọng H và chị Nguyễn Thị Ngọc L cùng thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh H, chị L thống nhất giao con chung là Dã Huỳnh Minh Kh, sinh ngày 03/9/2014 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên; Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng.

Ông Dã Trọng H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà Nguyễn Thị Ngọc L. Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trường hợp Ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Linh có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của Ông H.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh H, chị L tự trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Dã Trọng H và chị Nguyễn Thị Ngọc L xác nhận có nghĩa vụ trả nợ chung gồm:

Nợ bà Lê Thị Kim T số tiền là 15.000.000 đồng;

Nợ bà Trương Hồng H số tiền là 30.000.000 đồng;

Nợ bà Lê Thị Thu H số tiền là 5.000.000 đồng;

Nợ bà Phạm Thị Kim Ư số tiền là 10.000.000 đồng;

Nợ bà Trần Thị Lan H số tiền là 10.000.000 đồng;

Nợ ông Nguyễn Anh T số tiền là 15.000.000 đồng;

Anh Dã Trọng H, chị Nguyễn Thị Ngọc L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất Anh H, chị L cùng có nghĩa vụ trả toàn bộ các khoản nợ nêu trên cho bà Lê Thị Kim T, bà Trương Hồng H, bà Lê Thị Thu H, bà Phạm Thị Kim Ư, bà Trần Thị Lan H, ông Nguyễn Anh T một lần ngay khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Dã Trọng H và chị Nguyễn Thị Ngọc L mỗi người chịu 75.000 đồng án phí ly hôn, Anh H tự nguyện nộp thay chị L.

Anh H còn phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0028080 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Anh Dã Trọng H và chị Nguyễn Thị Ngọc L có nghĩa vụ trả nợ chung nên còn phải chịu chung 2.125.000 đồng án phí về trách nhiệm dân sự.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Kim T số tiền tạm ứng án phí là 375.000 đồng theo biên lai thu số 0028749 ngày 25/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho bà Trương Hồng H số tiền tạm ứng án phí là 750.000 đồng theo biên lai thu số 0028750 ngày 25/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Thu Hiền số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0028751 ngày 25/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Kim Ư số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0028752 ngày 25/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Anh T số tiền tạm ứng án phí là 375.000 đồng theo biên lai thu số 0029178 ngày 04/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Lan H số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0029177 ngày 04/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực, Giấy chứng nhận kết hôn số 39

ngày 08/3/2013 do Uỷ ban nhân dân Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Anh Dã Trọng H và chị Nguyễn Thị Ngọc L không còn hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSNDQ6;
- CCTHADSQ6;
- Lưu hồ sơ,Vp.

THẨM PHÁN

Lê Thị Tú